

## THỰC TRẠNG NĂNG LỰC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP Ở TRUNG HỌC CƠ SỞ CỦA SINH VIÊN SƯ PHẠM

### *Current status of pre-service teachers' competence in organizing experiential and career-oriented activities at the lower secondary level*

Vũ Hoài Nam<sup>\*</sup>, Nguyễn Thị Lan Hương, Phạm Thị Giang Anh

Trường Đại học Sài Gòn

#### TÓM TẮT

Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (HĐTNHN) là một hoạt động giáo dục có vai trò quan trọng trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Nghiên cứu này tập trung khảo sát thực trạng năng lực tổ chức HĐTNHN của sinh viên sư phạm trong quá trình thực tập tại các trường trung học, qua đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao năng lực này. Dữ liệu nghiên cứu được thu thập thông qua khảo sát 65 sinh viên ngành Sư phạm Khoa học Tự nhiên và ngành Sư phạm Hoá học được thực hiện bài dạy HĐTNHN, phỏng vấn giáo viên hướng dẫn, cán bộ quản lý và quan sát tiết dạy thực tế. Kết quả cho thấy đa số sinh viên tham gia giảng dạy HĐTNHN được hỗ trợ tích cực từ giáo viên hướng dẫn. Tuy nhiên, họ vẫn còn hạn chế trong kỹ năng thiết kế kế hoạch bài dạy cũng như tổ chức hoạt động giáo dục. Vì vậy, việc đánh giá năng lực này trong các đợt kiến tập, thực tập tại trường trung học là hết sức cần thiết, vừa cung cấp cơ sở thực tiễn để điều chỉnh nội dung chương trình, phương pháp dạy - học, kiểm tra - đánh giá của các học phần liên quan, vừa góp phần bảo đảm sinh viên đạt chuẩn đầu ra nghề nghiệp.

**Từ khóa:** hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; sinh viên sư phạm, năng lực thiết kế kế hoạch bài dạy; tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; thực tập sư phạm.

#### ABSTRACT

Experiential and Career Guidance Activities (ECGA) constitute an educational component of significant importance in the 2018 General Education Curriculum. This study surveys the current state of student teachers' competence in organizing these activities during their practicum in both lower- and upper-secondary schools, and proposes measures to strengthen that competence. The research data were collected through a survey of 65 students majoring in Natural Science Education and Chemistry Education who conducted experiential and career-oriented teaching activities, along with interviews with mentor teachers and school administrators, as well as classroom observations of actual lessons. The results indicate that most student teachers received active support from their supervising teachers; however, they remain limited in lesson-planning skills and in organizing educational activities. Assessing this competence during practicum placements is essential, as it provides empirical evidence for refining curricula, teaching methods, and assessment tools, while ensuring that pre-service teachers achieve the required professional learning outcomes.

**Keywords:** *Experiential and Career Guidance Activities (ECGA); pre-service teachers; competence in designing lesson plans; organizing experiential and career-oriented activities; teaching practicum.*

<sup>\*</sup>Tác giả liên hệ: [vnam@sgu.edu.vn](mailto:vnam@sgu.edu.vn)

## 1. Mở đầu

Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (HĐTNNH) là một hoạt động giáo dục bắt buộc trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018), giữ vai trò quan trọng trong việc hình thành phẩm chất, phát triển năng lực toàn diện và định hướng nghề nghiệp cho học sinh (HS) phổ thông. Các nghiên cứu về hoạt động trải nghiệm (HĐT) ở nước ngoài đã được thực hiện từ rất lâu trước đây và đa số đều khẳng định: giáo dục hiệu quả khi gắn liền với thực tiễn lao động và trải nghiệm (More, 1535; Comenius, 1670; Dewey, 1938; Kolb, 1984). Comenius nhấn mạnh học tập tích cực, trực quan và từ thiên nhiên (Comenius, 1670); Dewey phát triển quan niệm “học qua làm” (Dewey, 1938); Kolb cụ thể hóa qua chu trình học tập trải nghiệm bốn giai đoạn: trải nghiệm cụ thể, quan sát phản ánh, khái niệm hóa trừu tượng và thí nghiệm tích cực (Kolb, 1984). Những đóng góp này tạo nền tảng lý luận vững chắc cho việc thiết kế các bài dạy HĐTN giúp học sinh (HS) vừa tiếp thu kiến thức, vừa nâng cao năng lực vận dụng và kỹ năng sống. Ở nước ta, trong những năm gần đây cũng đã có nhiều nghiên cứu về HĐTN như tích hợp HĐTN vào các môn Toán học (Phạm Thị Hồng Hạnh, 2019), Sinh học (Phạm Thị Hương & Nguyễn Thị Hiền, 2023), Hóa học (Vũ Minh Trang & cộng sự, 2022), Khoa học Tự nhiên (Mai Văn Hưng & Nguyễn Quỳnh Trang, 2023), ... với mục tiêu nâng cao hiệu quả dạy học đồng thời hỗ trợ HS định hình sở thích, năng lực và lựa chọn nghề nghiệp tương lai. Một số nghiên cứu thực tiễn đã khảo sát hoạt động HĐTNHN tại các cơ sở giáo dục phổ thông như trường trung học cơ sở thuộc quận Cầu Giấy, Hà Nội (Bùi Thị Hồng Minh, 2023) và các trường trung học phổ thông trên địa bàn Quận 3, thành phố

Hồ Chí Minh (Trần Đại Nghĩa & Nguyễn Thị Nguyễn, 2025). Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu hiện có chủ yếu tập trung vào đối tượng là giáo viên (GV) và HS phổ thông, trong khi chưa có công trình nghiên cứu đi sâu khảo sát năng lực tổ chức HĐTNHN của SV sư phạm trong quá trình kiến tập, thực tập tại trường phổ thông. Khoảng trống nghiên cứu đó cho thấy sự cần thiết của việc đánh giá thực trạng tổ chức HĐTNHN của SV sư phạm và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao năng lực tổ chức HĐTNHN của GV tương lai trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.

Mặt khác, chương trình đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Khoa học Tự nhiên chu kỳ 2024 - 2028 của Trường Đại học Sài Gòn xác định một trong những chuẩn đầu ra quan trọng (PO3) là: “Giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, tổ chức và lãnh đạo nhóm làm việc”, trong đó chỉ số thành phần PI 4.5 quy định: “Triển khai chiến lược dạy học gắn với hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; phối hợp sử dụng công nghệ, phương tiện dạy học một cách hiệu quả ở trường THCS” (Mô tả chương trình đào tạo ngành Sư phạm Khoa học Tự nhiên 2024–2028, Trường Đại học Sài Gòn, 2024). Để hiện thực hóa các chuẩn đầu ra này, SV được trang bị học phần “Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong môn Khoa học Tự nhiên” - một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành, thay thế cho khóa luận tốt nghiệp. Tương tự, chương trình đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Hoá học chu kỳ 2024 -2028, SV được trang bị kỹ năng thiết kế kế hoạch dạy học các chủ đề, chuyên đề trong môn hoá học Trung học phổ thông và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp thông qua môn Hoá học THPT (Chương 1- Đề cương chi tiết học phần “Phương pháp dạy học Hoá học theo chủ đề”).

Từ những cơ sở lý luận, thực tiễn và yêu cầu đào tạo nêu trên, nghiên cứu này xác định năng lực tổ chức HĐTNHN là một năng lực nghề nghiệp được hình thành và phát triển thông qua hệ thống các học phần chuyên ngành và quá trình thực hành, kiến tập, thực tập. Do đó, việc đánh giá năng lực này trong quá trình thực tập vừa cung cấp dữ liệu quan trọng để kiểm chứng mức độ bồi đắp năng lực, vừa đóng vai trò là cơ chế phản hồi nhằm rà soát, cập nhật và điều chỉnh nội dung chương trình, phương pháp dạy - học, kiểm tra - đánh giá trong đề cương chi tiết các học phần liên quan, qua đó góp phần đảm bảo SV đạt chuẩn đầu ra nghề nghiệp.

## 2. Cơ sở lý luận về năng lực tổ chức hoạt động giáo dục

Theo Hà Văn Tú (2024), năng lực tổ chức được hiểu là khả năng cá nhân huy động và tổng hợp một cách hiệu quả hệ thống kiến thức, kỹ năng, thái độ cùng với các thuộc tính nhân cách khác nhằm thực hiện các hoạt động như: xây dựng kế hoạch, sắp xếp, tổ chức, vận hành, phối hợp, đánh giá kết quả và giải quyết những nhiệm vụ phát sinh trong quá trình triển khai hoạt

động thực tiễn của cá nhân hoặc tập thể.

Trên cơ sở đó, năng lực tổ chức HĐTN của GV có thể được xác định là khả năng GV huy động và tích hợp các nguồn lực cá nhân (kiến thức, kỹ năng, thái độ, phẩm chất) để thiết kế, sắp xếp, tổ chức, điều hành, phối hợp và đánh giá các HĐTN, đồng thời giải quyết những tình huống nảy sinh trong quá trình tổ chức nhằm đảm bảo đạt được mục tiêu giáo dục đề ra cho HS.

Để cụ thể hoá khái niệm nêu trên và chuyển từ lý thuyết sang thực hành, Dương Thị Kim Oanh và Nguyễn Văn Hiến (2023) đã nghiên cứu và đề xuất khung năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho SV sư phạm làm cơ sở cho việc đào tạo, đánh giá và phát triển năng lực tổ chức HĐTN của SV.

### 2.1. Khung năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho sinh viên sư phạm

Theo đề xuất của Dương Thị Kim Oanh và Nguyễn Văn Hiến (2023), khung năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho SV sư phạm (Bảng 1) gồm ba tiểu năng lực gồm (1) năng lực lập kế hoạch tổ chức HĐTN, (2) năng lực triển khai HĐTN và (3) năng lực đánh giá kết quả HĐTN.

**Bảng 1:** Khung năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho sinh viên sư phạm

Tiểu năng lực	Năng lực thành phần	Chỉ báo
1. Lập kế hoạch tổ chức HĐTN	1.1. Xây dựng kế hoạch giáo dục HĐTN (năm học)	1.1.1. Phân tích nội dung phân phối chương trình HĐTN mà tổ bộ môn đã thống nhất. 1.1.2. Xác định tên các chủ đề tương ứng với từng loại hình tổ chức HĐTN. 1.1.3. Xác định số tiết của từng chủ đề. 1.1.4. Xác định thời điểm, địa điểm tổ chức của từng chủ đề. 1.1.5. Xác định các thiết bị giáo dục cho từng chủ đề.

Tiêu năng lực	Năng lực thành phần	Chỉ báo
	1.2. Xây dựng kế hoạch tổ chức HĐTĐ theo chủ đề	<p><b>Xác định mục tiêu chủ đề giáo dục</b></p> <p>1.2.1. Xác định các yêu cầu cần đạt (của Chương trình HĐTĐ/ HĐTĐNH) mà chủ đề hướng tới.</p> <p>1.2.2. Xác định đặc điểm HS, môi trường giáo dục.</p> <p>1.2.3. Xác định cụ thể yêu cầu HS cần làm được (năng lực chung và năng lực đặc thù) trong chủ đề để đạt mục đích của chương trình.</p> <p>1.2.4. Ghi rõ biểu hiện hành vi của phẩm chất mà HS thể hiện được trong chủ đề.</p>
		<p><b>Xác định nội dung chủ đề giáo dục</b></p> <p>1.2.5. Xác định các cơ sở lựa chọn nội dung giáo dục.</p> <p>1.2.6. Xác định các nội dung giáo dục đầy đủ, phù hợp và khoa học.</p> <p>1.2.7. Xác định nội dung giáo dục trọng tâm</p>
		<p><b>Thiết kế chuỗi các hoạt động giáo dục</b></p> <p>1.2.8. Thiết kế chuỗi các hoạt động phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục của chủ đề.</p> <p>1.2.9. Thiết kế mục tiêu của từng hoạt động rõ ràng, phù hợp với mục tiêu chủ đề.</p> <p>1.2.10. Phát triển nội dung của từng hoạt động rõ ràng, phù hợp với mục tiêu của hoạt động.</p> <p>1.2.11. Xác định sản phẩm của từng hoạt động rõ ràng, phù hợp với mục tiêu, nội dung của hoạt động.</p> <p>1.2.12. Mô tả cách thức tổ chức từng hoạt động rõ ràng, phù hợp với mục tiêu, nội dung của hoạt động.</p> <p>1.2.13. Lựa chọn phương tiện giáo dục và học liệu phù hợp với mỗi hoạt động</p>
		<p><b>Thiết lập phương án kiểm tra – đánh giá kết quả giáo dục cho chủ đề</b></p> <p>1.2.14. Xác định mục đích đánh giá phù hợp với chủ đề.</p> <p>1.2.15. Lựa chọn phương pháp, công cụ đánh giá phẩm chất, năng lực phù hợp với mục đích.</p> <p>1.2.16. Đề xuất phương án kiểm tra - đánh giá kết quả giáo dục cho chủ đề.</p>

<b>Tiểu năng lực</b>	<b>Năng lực thành phần</b>	<b>Chỉ báo</b>
3. Triển khai HĐTN	2.1. Tổ chức các phương thức trải nghiệm	2.1.1. Chuyển giao các nhiệm vụ trải nghiệm cho HS một cách sinh động, hấp dẫn. 2.1.2. Khuyến khích học sinh tích cực tham gia HĐTN.
		2.1.3. Theo dõi, phát hiện kịp thời những khó khăn của HS. 2.1.4. Tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả hoạt động của HS. 2.1.5. Điều chỉnh linh hoạt các hoạt động trước những thay đổi về điều kiện thực tiễn
	2.2. Phối hợp với các lực lượng giáo dục khác	2.2.1. Thảo luận với các lực lượng giáo dục liên quan về kế hoạch triển khai HĐTN (mục tiêu, nội dung, phương thức). 2.2.2. Lắng nghe, phản hồi tích cực với ý kiến của các lực lượng giáo dục về HĐTN. 2.2.3. Tìm kiếm sự hỗ trợ về nhân lực và vật lực từ các lực lượng giáo dục khác. 2.2.4. Thuyết phục các lực lượng giáo dục đồng thuận với một số đề nghị hỗ trợ
	2.3. Sử dụng tài liệu và phương tiện giáo dục	2.3.1. Sử dụng các tài liệu và phương tiện giáo dục vật chất theo đúng kế hoạch và mang lại hiệu quả sư phạm. 2.3.2. Sử dụng các tài liệu và phương tiện giáo dục số theo đúng kế hoạch và mang lại hiệu quả sư phạm. 2.3.3. Xử lý được các tình huống phát sinh trong quá trình sử dụng tài liệu và phương tiện giáo dục
3. Kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục	3.1. Phát triển và triển khai công cụ kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục	3.1.1. Phát triển công cụ kiểm tra đánh giá kết quả giáo dục đảm bảo tính giá trị và tính tin cậy. 3.1.2. Sử dụng các công cụ kiểm tra, đánh giá đã thiết kế để thu thập đầy đủ các dữ liệu cần thiết. 3.1.3. Hướng dẫn HS và các bên liên quan sử dụng các công cụ tự đánh giá và đánh giá đánh giá chéo rõ ràng.

Tiểu năng lực	Năng lực thành phần	Chỉ báo
	3.2. Phân tích kết quả kiểm tra, đánh giá	3.2.1. Thu hồi và tổng hợp có hệ thống các sản phẩm hoạt động của HS, các công cụ đã đánh giá. 3.2.2. Phân tích những biểu hiện về phẩm chất và năng lực mà HS thể hiện. 3.2.3. Đưa ra các nhận định về trình độ phẩm chất và năng lực của từng HS và tập thể lớp.
	3.3. Vận dụng kết quả kiểm tra, đánh giá	3.3.1. Sử dụng kết quả kiểm tra, đánh giá để phản hồi và định hướng cho HS tự rèn luyện. 3.3.2. Điều chỉnh, cải tiến chất lượng các HĐTN. 3.3.3. Ghi nhận xét, tổng hợp kết quả giáo dục cho HS trong HĐTN.

Khung năng lực nêu trên cần được liên kết chặt chẽ với chương trình đào tạo và các học phần cụ thể. Do đó, việc xác định mức độ phát triển năng lực tổ chức HĐTN của SV là cần thiết để kiểm chứng mức độ bồi đắp năng lực và làm cơ sở rà soát, cập nhật và điều chỉnh nội dung chương trình, phương pháp dạy - học, kiểm tra - đánh giá trong đề

cương chi tiết các học phần liên quan.

## **2.2. Mức độ phát triển năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm của sinh viên sư phạm**

Cũng theo đề xuất của Dương Thị Kim Oanh và Nguyễn Văn Hiến (2023), năng lực tổ chức HĐTN của SV sư phạm gồm 5 mức độ: Kém - Yếu - Đạt - Khá - Tốt (Bảng 2).

**Bảng 2:** Mức độ phát triển năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm của SV sư phạm

Kém	Yếu	Đạt	Khá	Tốt
- Chưa xây dựng được kế hoạch giáo dục HĐTN theo năm học và chủ đề. - Chưa thực hiện được việc tổ chức các phương thức trải nghiệm, phối hợp với các lực lượng giáo dục, sử dụng tài liệu và phương tiện giáo dục. - Chưa phát triển và triển khai các	- Xây dựng được một phần nhưng còn nhiều sai sót kế hoạch giáo dục HĐTN theo năm học và chủ đề. - Thực hiện được một phần nhưng còn nhiều sai sót việc tổ chức các phương thức trải nghiệm, phối hợp với các lực lượng giáo dục, sử dụng tài liệu	- Xây dựng được kế hoạch giáo dục HĐTN theo năm học và chủ đề, nhưng chưa hoàn toàn làm chủ được toàn bộ quá trình, vẫn phải cần nhiều nỗ lực. - Thực hiện việc tổ chức các phương thức trải nghiệm, phối hợp với các lực lượng giáo dục,	- Xây dựng được kế hoạch giáo dục HĐTN theo năm học và chủ đề, làm chủ được quá trình, những vẫn phải cần sự nỗ lực. - Thực hiện việc tổ chức các phương thức trải nghiệm, phối hợp với các lực lượng giáo dục, sử dụng tài liệu và phương tiện	- Xây dựng được kế hoạch giáo dục HĐTN theo năm học và chủ đề, làm chủ hoàn toàn quá trình, có thể linh hoạt điều chỉnh hoạt động cho phù hợp với thực tiễn. - Thực hiện việc tổ chức các phương thức trải nghiệm, phối hợp với các lực lượng giáo dục,

Kém	Yếu	Đạt	Khá	Tốt
<p>công cụ kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục; phân tích và vận dụng kết quả kiểm tra, đánh giá</p>	<p>và phương tiện giáo dục - Thực hiện được một phần nhưng còn nhiều sai sót việc phát triển và triển khai các công cụ kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục; phân tích và vận dụng kết quả kiểm tra, đánh giá.</p>	<p>sử dụng tài liệu và phương tiện giáo dục, nhưng chưa hoàn toàn làm chủ được toàn bộ quá trình, vẫn phải cần nhiều nỗ lực. - Thực hiện được việc phát triển và triển khai các công cụ kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục; phân tích và vận dụng kết quả kiểm tra, đánh giá, nhưng chưa hoàn toàn làm chủ được toàn bộ quá trình, vẫn phải cần nhiều nỗ lực</p>	<p>giáo dục, làm chủ được quá trình, những vẫn phải cần sự nỗ lực. - Thực hiện được việc phát triển và triển khai các công cụ kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục; phân tích và vận dụng kết quả kiểm tra, đánh giá, làm chủ được quá trình, những vẫn phải cần sự nỗ lực</p>	<p>sử dụng tài liệu và phương tiện giáo dục, làm chủ hoàn toàn quá trình, có thể linh hoạt điều chỉnh hoạt động cho phù hợp với thực tiễn. - Thực hiện được việc phát triển và triển khai các công cụ kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục; phân tích và vận dụng kết quả kiểm tra, đánh giá, làm chủ hoàn toàn quá trình, có thể linh hoạt điều chỉnh hoạt động cho phù hợp với thực tiễn.</p>

Từ cơ sở lý luận có thể khẳng định rằng SV cần được hình thành và phát triển năng lực tổ chức HĐTNHN ngay trong quá trình học tập tại trường đại học và việc khảo sát năng lực tổ chức HĐTNHN của SV sư phạm mang ý nghĩa kép: rà soát, điều chỉnh chương trình và phương pháp dạy học, đồng thời nâng cao chất lượng thực hành sư phạm.

### 3. Thực trạng tổ chức Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp của SV sư phạm

Nghiên cứu được thiết kế nhằm khảo sát thực trạng năng lực tổ chức HĐTNHN của sinh viên sư phạm trong thời gian thực tập tại trường THCS. Các tiêu chí năng lực tập trung vào khả năng thiết kế kế hoạch bài dạy, tổ chức hoạt động, phối hợp với giáo viên hướng dẫn và học sinh, cũng như

đánh giá kết quả hoạt động. Dữ liệu được thu thập từ phiếu khảo sát 65 sinh viên, phỏng vấn GV hướng dẫn và cán bộ quản lý, quan sát tiết dạy và phân tích sản phẩm kế hoạch bài dạy. Các dữ liệu định lượng được xử lý thống kê mô tả, kết hợp với phân tích nội dung từ dữ liệu định tính, nhằm phác họa toàn diện thực trạng năng lực của sinh viên.

Nội dung và kết quả khảo sát như sau:

- Thứ nhất, nghiên cứu tiến hành khảo sát các điều kiện hỗ trợ SV trong quá trình tổ chức HĐTNHN tại trường trung học, bao gồm: sự hỗ trợ trong xây dựng kế hoạch dạy học, trang thiết bị dạy học và mức độ tương tác với học sinh. Các kết quả khảo sát được trình bày tại Bảng 3.

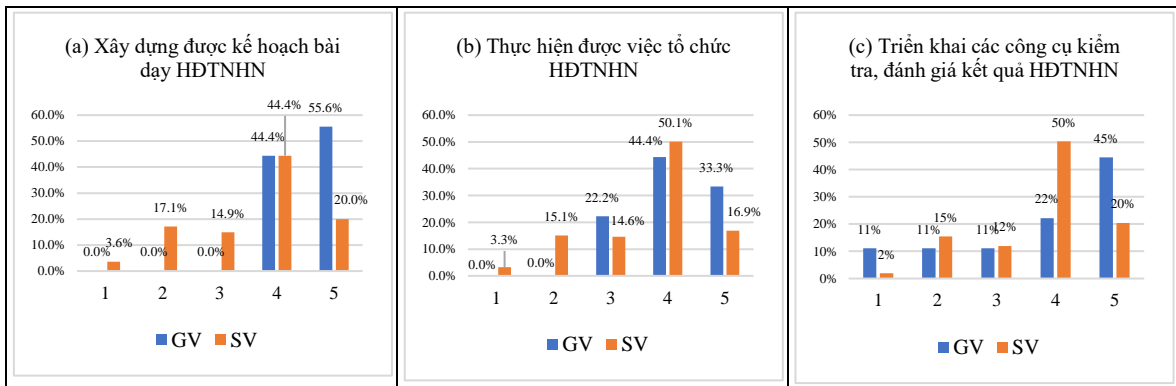
**Bảng 3:** Tỷ lệ SV được hỗ trợ thực hiện bài dạy HĐTNNH

TT	Điều kiện hỗ trợ sinh viên	Tỷ lệ (%)
1	Được hướng dẫn xây dựng kế hoạch bài dạy HĐTNN.	81,8
2	Trang thiết bị dạy học đầy đủ.	77,2
3	Học sinh hợp tác tích cực.	95,5

Kết quả khảo sát cho thấy hầu hết SV được tạo điều kiện thuận lợi khi tổ chức HĐTNNH tại trường trung học.

- Thứ hai, nghiên cứu tiến hành khảo sát mức độ đạt được năng lực tổ chức HĐTNNH của SV thông qua thang đo năm

bậc (1 = kém; 2 = yếu; 3 = trung bình/đạt; 4 = khá; 5 = tốt). Dữ liệu khảo sát được thu thập từ hai nguồn: đánh giá của GV hướng dẫn và tự đánh giá của SV. Kết quả được tổng hợp, đối sánh và trình bày bằng các biểu đồ minh họa ở Hình 1.



**Hình 1.** Biểu đồ so sánh giữa đánh giá của GV hướng dẫn và tự đánh giá của SV về năng lực tổ chức HĐTNNH.

Dựa trên số liệu so sánh, có thể thấy sự khác biệt đáng kể giữa đánh giá của GV hướng dẫn và tự đánh giá của SV về năng lực tổ chức HĐTNNH. Ở tiêu chí xây dựng kế hoạch và tổ chức HĐTNNH, GV đánh giá SV đạt mức khá và tốt với tỷ lệ cao, trong khi SV lại tự đánh giá thấp hơn, cho thấy nhiều em còn thiếu tự tin hoặc chưa nhận thức đầy đủ về năng lực của bản thân. Ngược lại, ở tiêu chí phát triển và triển khai công cụ kiểm tra, đánh giá, SV tự đánh giá ở mức khá và tốt cao hơn so với nhận định của GV, phản ánh sự khác biệt trong tiêu chuẩn đánh giá: SV thường nhìn nhận theo

cảm tính hoặc kinh nghiệm chủ quan, trong khi GV dựa trên sản phẩm và quan sát thực tế. Sự chênh lệch này đặt ra yêu cầu cần thiết phải xây dựng bộ tiêu chí đánh giá minh bạch, cụ thể và được thống nhất, đồng thời tổ chức các buổi tập huấn, hướng dẫn SV tự đánh giá theo chuẩn năng lực thay vì chỉ dựa trên cảm nhận. Nhờ đó, SV vừa có cơ sở điều chỉnh cách nhìn nhận, vừa nâng cao năng lực thực hành tổ chức HĐTNNH một cách thực chất hơn.

Mặc dù kết quả khảo sát cho thấy năng lực tổ chức HĐTNNH của SV được đánh giá ở mức khá và tốt với tỷ lệ cao, song

những con số này chưa thực sự phản ánh toàn diện và chính xác năng lực của SV. Vừa qua, trong khuôn khổ hội thảo lấy ý kiến phục vụ xây dựng Chương trình đào tạo 2024–2028 và hỗ trợ công tác đánh giá ngoài các ngành Sư phạm thuộc Khoa Sư phạm Khoa học Tự nhiên, nhóm nghiên cứu đã tiến hành phỏng vấn một số cán bộ quản lý, đại diện nhà tuyển dụng tại các trường trung học. Kết quả phỏng vấn cho thấy nhà tuyển dụng vẫn yêu cầu cơ sở đào tạo bồi dưỡng thêm về năng lực tổ chức HĐTN cho SV để đáp ứng yêu cầu thực tiễn; những nhu cầu bức thiết nhất tập trung vào các năng lực thực hành nghề nghiệp, cụ thể là: thiết kế hoạt động dạy học HĐTNHN, tổ chức triển khai HĐTNHN và đánh giá kết quả HĐTNHN. Nhận định này phản ánh khoảng cách giữa chuẩn đầu ra hiện có và yêu cầu thực tế tại cơ sở, từ đó gợi ý cần ưu tiên điều chỉnh nội dung và phương pháp đào tạo nhằm nâng cao tính sẵn sàng nghề nghiệp cho SV.

#### **4. Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao năng lực tổ chức Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp cho sinh viên sư phạm**

Để đáp ứng yêu cầu thực tiễn và nâng cao chất lượng triển khai hoạt động giáo dục này, cần thiết phải có những giải pháp cụ thể trong đào tạo SV sư phạm như:

Thứ nhất, bồi dưỡng năng lực thiết kế kế hoạch bài dạy HĐTNHN cho SV theo các mô hình dạy học tích cực;

Thứ hai, bồi dưỡng năng lực tổ chức dạy học HĐTNHN thông qua hình thức thực hành chuyên sâu tại trường Đại học Sài Gòn và thực hành giảng dạy tại trường trung học.

Thứ ba, thiết lập cơ chế phản hồi liên trường giữa giảng viên đại học và GV hướng dẫn để điều chỉnh nội dung, phương pháp và công cụ kiểm tra, đánh giá năng lực tổ chức HĐTNHN của SV; Lồng ghép kết

quả này vào quá trình cải tiến chương trình và đánh giá chuẩn đầu ra (POs).

Năng lực thiết kế và tổ chức HĐTNHN của sinh viên được đánh giá qua hai nhiệm vụ chính, sử dụng rubric được thống nhất chung do cơ sở đào tạo và trường phổ thông.

*Bài tập 1. Thiết kế kế hoạch bài dạy:* Mỗi sinh viên (làm cá nhân hoặc nhóm nhỏ 4 người) xây dựng 2 kế hoạch bài dạy HĐTNHN cụ thể; sản phẩm được chấm theo rubric đã thống nhất.

*Bài tập 2. Thực hành tổ chức:* Sinh viên thực hiện 2 tiết dạy (1 tiết tại cơ sở đào tạo với bạn cùng khóa; 1 tiết tại trường trung học dưới sự hướng dẫn của GV) và được đánh giá theo cùng rubric.

#### **5. Kết luận**

Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp giữ vị trí then chốt trong việc hình thành phẩm chất, phát triển năng lực và định hướng nghề nghiệp cho học sinh. Tuy nhiên, kết quả khảo sát thực trạng dạy học hoạt động này tại một số trường trung học trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh cho thấy SV sư phạm còn thiếu những năng lực thực hành cần thiết để tổ chức HĐTNHN một cách hiệu quả.

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng việc đánh giá năng lực tổ chức HĐTNHN trong quá trình kiến tập, thực tập không chỉ là một kênh dữ liệu thực tiễn và cơ chế phản hồi thiết yếu, mà còn góp phần khẳng định tính cấp thiết của việc đổi mới, cải tiến liên tục chương trình đào tạo theo định hướng phát triển năng lực. Qua đó, sự gắn kết giữa cơ sở đào tạo và trường phổ thông được tăng cường, giúp chương trình đào tạo không chỉ đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mà còn nâng cao chất lượng đào tạo nghề nghiệp, đồng thời cung cấp cơ sở thực tiễn vững chắc để điều chỉnh chuẩn đầu ra và củng cố mức độ sẵn sàng nghề nghiệp của sinh viên sư phạm.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- Bùi Thị Hồng Minh (2023). *Thực trạng hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp ở các trường trung học cơ sở quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội*. Tạp chí Khoa học, (79), 74–79.
- Comenius, J. A. (1670). *Didactica Magna*. Franeker: H. Uytwerf.
- Dewey, J. (1938). *Kinh nghiệm giáo dục*. Người dịch: Phạm Anh Tuấn. Nhà xuất bản trẻ thành phố Hồ Chí Minh, 2012.
- Dương Thị Kim Oanh, Nguyễn Văn Hiến (2023). *Đề xuất khung năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho SV sư phạm*. Tạp chí Khoa học giáo dục kỹ thuật, Đại học Sư phạm kỹ thuật, 75B, 13 - 21.
- Hà Văn Tú (2024). *Bồi dưỡng năng lực tổ chức Hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học*. Luận án tiến sĩ.
- Kolb, D. A. (1984). *Experiential Learning: Experience as the Source of Learning and Development*. Nhà xuất bản Prentice Hall PTR, 2011.
- Khoa Sư phạm Khoa học tự nhiên (2024). *Mô tả chương trình đào tạo ngành Sư phạm Khoa học Tự nhiên 2024–2028*. Trường Đại học Sài Gòn.
- Khoa Sư phạm Khoa học tự nhiên (2024). *Đề cương chi tiết học phần Phương pháp dạy học Hoá học theo chủ đề* - Trường Đại học Sài Gòn.
- More, T. (1535). *Utopia*. Basel: Johannes Froben.
- Mai Văn Hưng, Nguyễn Quỳnh Trang (2023). *Tích hợp hoạt động định hướng nghề nghiệp trong dạy học chủ đề “Đa dạng thế giới sống” (Khoa học Tự nhiên 6)*. Tạp chí Giáo dục, 23(10), 15–20.
- Phạm Thị Hương, Nguyễn Thị Hiền (2023). *Phát triển năng lực định hướng nghề nghiệp cho HS trung học phổ thông trong dạy học môn Sinh học*. Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, 19(01), 44–50.
- Phạm Thị Hồng Hạnh, (2019). *Tích hợp giáo dục hướng nghiệp trong dạy học chủ đề “Thống kê” cho HS lớp 10 Trung học phổ thông*. Tạp chí Giáo dục, 221–226.
- Trần Đại Nghĩa, Nguyễn Thị Nguyễn (2025). *Thực trạng quản lý hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp của HS ở các trường Trung học phổ thông Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh*. TNU Journal of Science and Technology, 230(04), 62–71.
- Vũ Minh Trang, Thái Văn Thành, Nguyễn Thị Hà, Nguyễn Thị Kim Cúc và Lê Thị Kim Anh (2022). *Định hướng nghề nghiệp cho HS thông qua dạy học chủ đề STEM phân Andehit – Axit cacboxylic*. Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội, (01), 82–91.

Ngày nhận bài: 15/5/2025

Ngày chấp nhận đăng: 26/9/2025